

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đăng Đán;

2. Bà Nguyễn Thị Thích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm T lý số: 70/2019/TLST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Công K, sinh năm 1982 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn G, xã Bình D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công L, sinh năm 1946 và bà Lưu Thị B (đã chết); có vợ là: Vũ Thị H, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54/QĐ-XPVPHC ngày 01/02/2018 của Công an huyện Quế Võ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong tiền phạt ngày 06/02/2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05/8/2019 đến nay; hiện tại ngoại; có mặt.*

*. *Người bị hại*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1968; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Bình D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

*. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1961; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Công K và Lê Công V, sinh năm 1982 cùng trú tại Thôn G, xã Bình D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh là hai đối tượng nghiện ma túy và thường xuyên tụ tập với nhau. Khoảng 24 giờ ngày 17/7/2019, K đi bộ một mình từ nhà sang nhà V chơi. Do không có tiền tiêu xài nên K rủ V đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền cả hai cùng ăn tiêu, V đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 18/7/2019, V lấy xe mô tô Honda Wave mang BKS: 59E1-047.86 của V chở K đi từ nhà V đến trang trại trồng rau sạch tại thôn Bùng, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh do ông Trần Văn H làm chủ. Khi đến nơi, K bảo V đỗ xe ở ngoài đường cạnh giới còn K lén lút đi vòng ra sau khu nhà lán của trang trại để tìm tài sản. Quá trình lục lọi, K thấy một chiếc máy rửa xe có đặc điểm một đầu là máy nén rửa xe công suất lớn màu cam, một đầu là mô tơ màu xám, có dây bơm nước cao su màu đen quấn trên máy đang được đặt trên xe rửa cạnh cửa ra vào phía sau nhà lán. Nhận thấy tài sản có giá trị nên K đã bê chiếc máy rửa xe trên đi ra ngoài đường chỗ V đứng đợi. Sau đó V chở K mang chiếc máy rửa xe vừa trộm cắp được sang huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bán cho người đàn ông làm nghề sửa xe là anh Trần Văn T được 850.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp có được K và V sang thị xã Từ Sơn mua ma túy về cùng nhau sử dụng hết.

Sáng ngày 18/7/2019 ông H có đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Bình về việc bị kẻ gian đột nhập lấy mất chiếc máy rửa xe trên.

Trưa ngày 18/7/2019, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, K và V đã đến Công an huyện Gia Bình xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên, đồng thời V tự giác giao nộp

01 xe mô tô Honda Wave mang BKS: 59E1 – 047.86 là phương tiện mà V và K đã dùng vào việc phạm tội.

Chiều ngày 18/7/2019, ông T tự nguyện giao nộp cho Công an huyện Gia Bình chiếc máy rửa xe để phục vụ quá trình điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 33/KL-HĐĐG ngày 28/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Gia Bình, kết luận: 01 chiếc máy rửa xe mà K và V trộm cắp có giá trị 2.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Công V đã bỏ trốn khỏi địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết V đi đâu, làm gì. Ngày 03/10/2019, Công an huyện Gia Bình ra Quyết định truy nã đối với V đồng thời ra Quyết định tách vụ án hình sự số 03 tách hành vi “Trộm cắp tài sản” của V để xem xét xử lý trong một vụ án khác.

*. Tại bản cáo trạng số: 71/CT-VKS-GB ngày 27/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Lê Công K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, xin được tự nguyện bồi thường thiệt hại cả cho anh T, chứ không yêu cầu V cùng chịu trách nhiệm bồi thường.

Trong quá trình điều tra, người bị hại là anh H xác nhận tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và đã được nhận lại tài sản này và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh T yêu cầu K và V bồi thường cho anh 850.000 đồng là số tiền ông đã dùng để mua chiếc máy rửa xe mà trên.

*. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Luận tội và đề nghị như sau:

- Tuyên bố bị cáo Lê Công K phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo K từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về việc bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lê Công K bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T **850.000** đồng (là số tiền anh T đã trả để mua chiếc máy rửa xe).

- Về việc xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

*. Sau khi nghe bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp và bào chữa, mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như bản luận tội đã nêu.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Công K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định: Hồi 02 giờ ngày 18/7/2019, tại trang trại trồng rau sạch ở thôn Bùng, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh do ông Trần Văn H làm chủ, Lê Công K và Lê Công V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc máy rửa xe có trị giá 2.700.000 đồng của ông H. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với mục đích là mong muốn chiếm đoạt được tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình đã truy tố.

Đối với Lê Công V, trong quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 03/10/2019, Công an huyện Gia Bình ra Quyết định truy nã đối với V đồng thời ra Quyết định tách vụ án hình sự số 03 tách hành vi “Trộm cắp tài sản” của V để xem xét xử trong một vụ án khác. Do đó, không đề cập xem xét.]

[2. Về nhân thân, tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Nhận thấy, dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội, nhưng bị cáo có nhân thân xấu và ngày 06/02/2018 bị cáo chấp hành xong tiền phạt của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54/QĐ-XPVPHC ngày 01/02/2018 của Công an huyện Quế Võ, nhưng ngày 18/7/2019 đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này (tức đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này chưa được 06 tháng), chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo và coi thường pháp luật; ngoài ra, hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương ứng, cho bị cáo cách ly xã hội một thời gian, để có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng, răn đe phòng ngừa chung, không tạo ra tiền lệ xấu và góp phần làm trong sạch, lành mạnh đời sống xã hội và niềm tin vào pháp luật của nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra, bị cáo ra đầu thú, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.]

[3. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ Luật hình sự thì còn có thể phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.]

[4. Về việc bồi thường thiệt hại:

- Do người bị hại là anh Trần Văn H xác nhận đã được nhận lại tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc máy rửa xe và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T yêu cầu K và V bồi thường cho anh 850.000 đồng là số tiền anh đã dùng để mua chiếc máy rửa xe trên. Xét thấy, hiện V đã bỏ trốn và Công an huyện Gia Bình ra Quyết định tách vụ án hình sự và tách hành vi “Trộm cắp tài sản” của V để xem xét xử trong một vụ án khác; ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo K xin được tự nguyện bồi thường thiệt hại cả cho anh T, chứ không yêu cầu V cùng chịu trách nhiệm bồi thường, nên trong vụ án này cần buộc K phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho anh T 850.000 đồng là phù hợp (sau này, khi bắt được V nếu K có yêu cầu thì sẽ được xem xét trong vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật).]

[5. Về việc xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc máy rửa xe mà K và V đã trộm cắp, thuộc sở hữu hợp pháp của anh Trần Văn H nên cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh H chiếc máy rửa xe trên là phù hợp. Do đó, không đề cập xem xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mang BKS: 59E1 – 047.86 của V là phương tiện mà V và K đã dùng vào việc phạm tội, hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Công an huyện Gia Bình sẽ được xem xét xử lý sau trong vụ án hình sự được tách ra khi bắt được V. Do đó, không đề cập xem xét.]

[7. Về các vấn đề khác:

Đối với anh Trần Văn T là người mua tài sản trộm cắp của K và V. Do anh T không biết là tài sản do K và V trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh T là phù hợp. Do đó, không đề cập xem xét.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho K và V và hành vi tàng trữ và sử dụng ma túy của K và V, do chưa xác định được người đàn ông này nên chưa có đủ căn cứ để xem xét xử lý. Khi nào đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau. Do đó, không đề cập xem xét.]

[6. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Lê Công K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Lê Công K **09** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

1.3. Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Công K kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm chấp hành án phạt tù.

2. Về việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Công K bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T **850.000** đồng (là số tiền anh T đã trả để mua chiếc máy rửa xe).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng buộc bị cáo phải chịu 500.000 đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tuyền
(đã ký)**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

